

Trực Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh, nhà cung cấp

Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Trực Ninh, có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

Trung tâm đang có nhu cầu Mua sắm Máy điện tim, giường y tế một tay quay để phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh

Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh kính mời các Quý doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh, nhà cung cấp có năng lực cung ứng gửi báo giá theo nội dung cơ bản như sau.

1. Danh mục cần báo giá: Theo Phụ lục đính kèm.

2. Hình thức, địa điểm và thời gian nhận báo giá:

- Hình thức nhận báo giá: Bằng văn bản giấy có ký, đóng dấu của người có thẩm quyền.

- Địa điểm: Phòng tài chính kế toán, Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh (Địa chỉ: .Thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định)

- Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày 15/05/2025 đến 17h ngày 21/05/2025.

3. Lưu ý:

- Mục đích báo giá: làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm.

- Báo giá đã bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, chạy thử, đào tạo hướng dẫn sử dụng,... trung tâm không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào.

- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày kể từ ngày 15 /05/2025.

Mọi thông tin xin liên hệ: Ông/bà: Trần Thị Thu Hiền – nhân viên Phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh; Điện thoại: 0974.996.178

Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh trân trọng cảm ơn./.



PHỤ LỤC: DANH MỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 15/05/2025 của Trung tâm Y tế huyện Trục Ninh)

STT	Tên hàng hóa/sản phẩm	Tiêu chuẩn, quy cách hàng hoá, sản phẩm	ĐVT	Số lượng
1	GIƯỜNG Y TẾ MỘT TAY QUAY	A.Yêu cầu chung Thiết bị mới 100%, sản xuất 2024 trở về sau Sản xuất theo Hệ thống quản lý chất lượng: <i>ISO 9001&ISO 13485</i> B.Thông số kỹ thuật 1. Qui cách (±5%) - Tổng thể: dài 2060 x rộng 920mm - Mặt giường: dài 1935 x rộng 840mm - Chiều cao: 470 mm 2. Chất liệu - Mặt giường làm bằng khung sắt đan lưới. - Khung giường làm bằng sắt hộp sơn tĩnh điện. - Tấm chắn đầu/đuôi giường làm bằng nhựa cứng đúc nguyên khối. 3. Chức năng - Phương thức chuyển động: bằng 1 tay quay; đặt gọn dưới đuôi giường. - Nâng hạ đầu từ: 0° ~ 80° - Tấm chắn đầu/ đuôi giường có thể tháo rời. - Bánh xe kích thước: 127mm; có khóa ở 4 bánh xe. - Có 4 móc treo nước thải ở 2 bên hông giường. - Có 4 lỗ cắm móc truyền dịch. - Tải trọng an toàn: 200kg 4. Phụ kiện: - Giá truyền dịch 2 móc: HK-016 (1) Dài: 800-1400mm. (2) Chất liệu: sắt xi mạ, chống gỉ sét. Nệm giường HK-301 (1) Dài 2000 x Rộng 850 x Cao 100mm (2) Lớp ngoài: được làm bằng vải nilon, PU chống thấm nước, thông khí. (3) Lớp trong: mặt trên là mút dạng gọn	Chiếc	05

BAN HÀNH DẪN

		sóng thoáng khí; mặt dưới là mút ép cứng, không xẹp.		
2	MÁY ĐIỆN TIM 6 KÊNH	A.Yêu cầu chung Thiết bị mới 100%, sản xuất 2024 trở về sau Sản xuất theo Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 B.Thông số kỹ thuật Bảng điều khiển: Các phím bấm: nguồn, Start/Stop, nút review, reset, 1mV, đạo trình, độ nhạy Độ nhạy tiêu chuẩn: 10mm/mV Lựa chọn độ nhạy: ¼, ½, 1, 2, tự động Ổn định độ nhạy: Thay đổi theo thời gian trong phạm vi $\pm 3\%$ Độ nhạy chính xác: Sai số: $\pm 5\%$ Dải phát hiện HR (nhịp tim)/ độ chính xác: 30 bpm đến 300 bpm, sai số ± 2 hoặc ít hơn Trở kháng đầu vào: $2,5\Omega$ hoặc lớn hơn $2,5\Omega$ Điện áp phân cực: ± 600 mV hoặc lớn hơn Thời gian phục hồi: Trong vòng 5 giây Điện áp quá tải: 1 Vp-v, 10 giây Đáp ứng tần số: 0.05Hz đến 250Hz Đặc tính tần số thấp (hằng số thời gian): 3,2 giây hoặc lớn hơn Tỉ lệ loại nhiễu đồng pha: 103 dB hoặc hơn (2 mm [p-p] và dưới độ nhạy mức 1) Đạo trình 12 đạo trình tiêu chuẩn Bộ chọn đạo trình Sai số: trong khoảng 5% Lệch giữa các đạo trình : 0 giây Nhiều bên trong $30\mu V$ (p-v) hoặc thấp hơn Bộ lọc - Bộ lọc AC: -20dB hoặc ít hơn ở 50 hoặc 60Hz - Bộ lọc rung cơ: -3dB (-6dB/oct) hoặc thấp hơn ở 35 hoặc 25Hz. - Bộ lọc trôi: -3dB hoặc ít hơn ở 0.25	Chiếc	02


 BỘ Y TẾ
 HƯỚNG DẪN
 Y T
 I. TRỰC


		hoặc 0.5Hz. Hệ thống in : Dùng đầu in nhiệt Tốc độ in: 5,10,12.5,25,50mm/s $\pm 3\%$ hoặc thấp hơn Mật độ in: Hướng biên độ: 8 dot /mm Hướng trục thời gian: 1ms (25mm/s hoặc thấp hơn), 500μs (50mm/s) Kênh in: 3, 6 kênh Giấy in OP-222TE (Giấy gấp Z-fold) Màn hình hiển thị: Màn hình LCD màu, 800x480 dot (có đèn nền LED) LED: Đèn LED báo nguồn AC, báo sạc pin Bộ chuyển đổi A/D18 bit Tần số lấy mẫu: 8000 mẫu/giây/kênh Cổng LAN: Theo chuẩn IEEE802.3u, 100BASE-TX, cáp ≤ 50m Lưu trữ: USB Cổng USB: Theo chuẩn USB2.0, 3 cổng Bộ xử lý thăm khám Thông tin bệnh nhân: ID, tuổi, giới tính, chiều cao, cân nặng... Thăm khám cơ bản: Nhịp tim, RR, PR, QRS, thời gian QT, QTcB, QTcF, trục điện, SV1, RV5 (6) Phân tích diễn giải và code: Khoảng 130 loại Code Minnesota: Khoảng 130 loại hẩn đoán mức độ: 4 loại Tổng quan thiết bị An toàn: Nhóm I và thiết bị có nguồn bên trong, Loại CF Thời gian phục hồi khử rung tim: Trong vòng 10 giây Nguồn điện: Nguồn AC: AC 100-240V 50/60Hz, Nguồn DC: 9.6 V DC (pin) Công suất tiêu thụ: 70 VA (AC), 40W (DC) Nguồn cấp 12V: Không sử dụng		
--	--	---	--	--

		Kích thước: Xấp xỉ 260 mm (W) x 206mm (D) x 66mm (H) Trọng lượng: Xấp xỉ 1.8kg (chỉ tính phần máy chính), Xấp xỉ 2.3kg (bao gồm pin hoặc adapter không dây) Môi trường hoạt động Nhiệt độ 10-40℃ Độ ẩm : 25-95% (không ngưng tụ) Áp suất khí quyển: 80kPa đến 106kPa Môi trường di chuyển/ lưu trữ (toàn bộ thiết bị) Nhiệt độ: -10 đến 60 độ C Độ ẩm: 10-95% (tại 40 độ C, không ngưng tụ) Áp suất khí quyển: 80kPa đến 106kPa Môi trường di chuyển/ lưu trữ (đặc biệt đối với giấy in và pin) Nhiệt độ: -10 đến 50 độ C Độ ẩm 20-80% (không ngưng tụ) Áp suất khí quyển: 80kPa đến 106kPa		
--	--	--	--	--

U.T.NAM